

Phụ lục 1: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THÁNG CỦA SGDCK

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 193/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK và TTLKCK Việt Nam)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

....ngày tháng năm 20....

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động của SGDCK

2. Về việc xây dựng văn bản

Phân loại theo hoạt động	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Quản lý giao dịch			
Thẩm định và quản lý niêm yết			
Đấu giá, đấu thầu			
Giám sát giao dịch			
Kiểm soát nội bộ			
Công bố thông tin			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện nội dung phân loại các văn bản do SGDCK ban hành theo thẩm quyền (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của SGDCK)

Cột 2: thể hiện số lượng văn bản SGDCK đã ban hành mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng văn bản SGDCK đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng văn bản SGDCK đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo

3. Quản lý, giám sát thành viên giao dịch

3.1 Xử lý Hồ sơ chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên giao dịch

Thị trường	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Chấp thuận	Chấm dứt	Đình chỉ hoạt động giao dịch	Chấp thuận	Chấm dứt	Đình chỉ hoạt động giao dịch	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Niên yết								
Đăng ký giao dịch								
Trái phiếu								
Tổng số								

Cột 1: thể hiện loại thị trường giao dịch

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ hoạt động giao dịch SGDCK lập để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ hoạt động giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ chấp thuận, chấm dứt SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

3.2 Xử lý hồ sơ cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ đại diện giao dịch

Thị trường	Số thứ tự	Mã thành viên giao dịch	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
			Cấp mới	Cấp lại	Thu hồi	Cấp mới	Cấp lại	Thu hồi	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Niên yết	1	001								
	2	002								
Đăng ký giao dịch	...									
	...									
Trái phiếu	n									
Tổng cộng										

Cột 1: thể hiện thị trường

Cột 2: thể hiện số thứ tự

Cột 3: thể hiện mã thành viên giao dịch

Cột 4, 5 và 6: thể hiện tổng số lượng hồ sơ cấp mới thẻ, cấp lại thẻ và thu hồi thẻ ĐDGD SGDCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 7, 8 và 9 : thể hiện tổng số lượng hồ sơ cấp mới thẻ, cấp lại thẻ và thu hồi thẻ ĐDGD SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 10: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 11: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mới, cấp lại, gia hạn và thu hồi thẻ ĐDGD SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

3.3 Xử lý Hồ sơ vi phạm của thành viên giao dịch

Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCK xử lý	Số vụ việc giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Chế độ công bố thông tin						
Chế độ báo cáo						
Giao dịch chứng khoán						
Khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại vi phạm

Cột 2: thể hiện số vụ việc SGDCK phát hiện trong kỳ báo cáo (gồm số vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc phát hiện trong kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo, chuyển thẩm quyền UBCKNN xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4. Quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch

4.1 Tiếp nhận, xử lý hồ sơ chấp thuận, hủy bỏ cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch

Thị trường	Nội dung	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Số lượng hồ sơ	Số lượng cổ phiếu	Số lượng hồ sơ	Số lượng cổ phiếu	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Niêm yết	Niêm yết lần đầu						
	Thay đổi						
	Hủy bỏ						
Đăng ký giao dịch	ĐKGD lần đầu						
	Thay đổi						
	Hủy bỏ						
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện thị trường

Cột 2: thể hiện nội dung xử lý

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 4: thể hiện tổng số cổ phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 3

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số cổ phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 5

Cột 7: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đã lập theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

5. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu

Loại trái phiếu	Nội dung	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Số lượng hồ sơ	Số lượng trái phiếu	Số lượng hồ sơ	Số lượng trái phiếu	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Chính phủ	Niêm yết						
	Hủy niêm yết						
Địa phương	Niêm yết						
	Đáo hạn						
Công ty	Niêm yết						
	Đáo hạn/chuyển đổi						
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện loại trái phiếu

Cột 2: thể hiện nội dung xử lý

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về giao dịch trái phiếu SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 4: thể hiện tổng số trái phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 3

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về giao dịch trái phiếu SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số trái phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 5

Cột 7: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đã lập theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

6. Xử lý vi phạm công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch

Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCK xử lý	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Chế độ công bố thông tin						
Chế độ báo cáo						
Giao dịch cổ phiếu quỹ						
Khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại vi phạm

Cột 2: thể hiện số vụ việc SGDCK phát hiện trong kỳ báo cáo (gồm số vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc phát hiện trong kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo, chuyển thẩm quyền UBCKNN xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

7. Xử lý vi phạm của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người liên quan của cổ đông nội bộ; người được ủy quyền công bố thông tin và người liên quan của người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đại chúng

Đối tượng vi phạm	Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
			Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Cổ đông nội bộ	Công bố thông tin						
	Khác						
Cổ đông lớn	Công bố thông tin						
	Khác						
Người liên quan	Công bố thông tin						
	Khác						
Đối tượng liên quan khác	Công bố thông tin						
	Khác						
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện đối tượng vi phạm

Cột 2: thể hiện loại vi phạm

Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc (thuộc thẩm quyền xử lý của SGDCK) SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo và chuyển hồ sơ để UBCKNN xử lý theo thẩm quyền

Cột 7: thể hiện số vụ việc đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

8. Hoạt động đấu giá, đấu thầu chứng khoán

Loại chứng khoán	Tổng số đợt đấu giá/ đấu thầu SGDCKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số đợt đấu giá/ đấu thầu SGDCKCK đã thực hiện trong kỳ báo cáo			Tổng số đợt đấu giá/ đấu thầu SGDCKCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số đợt	Số lượng	Số đợt	Số lượng	Số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Cổ phiếu						
Trái phiếu						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán

Cột 2: thể hiện tổng số đợt đấu giá SGDCK đã nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 3: thể hiện tổng số lượng chứng khoán tương ứng với số đợt đấu giá, đấu thầu thể hiện tại cột 2

Cột 4: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK thực hiện trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số lượng chứng khoán tương ứng với số đợt đấu giá, đấu thầu thể hiện tại cột 4

Cột 6: thể hiện số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

9. Hoạt động trung gian hòa giải

Số phát sinh phải hòa giải		Đã hòa giải		Số cuối kỳ báo cáo
Giao dịch chứng khoán	Khác	Giao dịch chứng khoán	Khác	
1	2	3	4	5

Cột 1: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCK phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đang giải quyết và chưa giải quyết làm trung gian hòa giải của SGDCK trong kỳ báo cáo

10. Hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán

Nội dung	Tổng số hồ sơ đã lập theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của SGDCK	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí giám sát						
Khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung giám sát

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc (thuộc thẩm quyền xử lý của SGDCK) SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo và chuyển hồ sơ để UBCKNN xử lý theo thẩm quyền

Cột 6: thể hiện số vụ việc đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

11. Công bố thông tin

Thông tin công bố	Tổng số thông tin đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Tổng số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số thông tin giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số thông tin chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5
SGDCK				
Công ty đại chúng				
Thành viên giao dịch				
Cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, Người liên quan				
Tổng cộng				

Cột 1: thể hiện loại tổ chức công bố thông tin

Cột 2: thể hiện tổng số thông tin SGDCK đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số thông tin SGDCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

12. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động	Số đơn vị thực hiện kiểm tra	Số lượng nội dung kiểm tra	Số lượng nội dung hoạt động nghiệp vụ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Thẩm định và quản lý niêm yết			
Đấu giá, đấu thầu			
Giám sát giao dịch			
Công bố thông tin			
Khác			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện hoạt động chuyên môn đã tiến hành kiểm tra trong kỳ báo cáo (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của SGDCK)

Cột 2: thể hiện tổng số đơn vị có liên quan đã kiểm tra

Cột 3: thể hiện tổng số nội dung đã kiểm tra đối với hoạt động chuyên môn thể hiện tại cột 1

Cột 4: thể hiện tổng số nội dung còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu có)

Phụ lục 2: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THÁNG CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 193/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK và TTLKCK Việt Nam)

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động của TTLKCK

2. Về việc xây dựng văn bản

Lĩnh vực điều chỉnh	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Đăng ký chứng khoán			
Lưu ký chứng khoán			
Thanh toán bù trừ			
Cấp mã giao dịch			
Chế độ báo cáo			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện lĩnh vực điều chỉnh của các loại văn bản do TTLKCK ban hành theo thẩm quyền (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của TTLKCK)

Cột 2: thể hiện số lượng văn bản TTLKCK đã ban hành mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng văn bản TTLKCK đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng văn bản TTLKCK đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo

3. Quản lý, giám sát thành viên

3.1 Xử lý Hồ sơ chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên

Loại thành viên	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Chấp thuận	Chấm dứt	Khác	Chấp thuận	Chấm dứt	Khác	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Thành viên lưu ký								
- Công ty chứng khoán								
- Ngân hàng lưu ký								
2. Thành viên trực tiếp								
3. Khác								
Tổng số								

Cột 1: thể hiện loại thành viên

Cột 2 và 3: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên, hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong)

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ khác liên quan đến nội dung chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong)

Cột 5 và 6: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên, chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ khác liên quan đến nội dung chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ TTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

3.2 Xử lý Hồ sơ vi phạm của thành viên

Loại thành viên	Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
			Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của TTLKCK	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý	Số vụ việc giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Thành viên lưu ký							
Công ty chứng khoán	Chế độ báo cáo						
	Nghiệp vụ						
	Khác						
Ngân hàng lưu ký	Chế độ báo cáo						
	Nghiệp vụ						
	Khác						
Thành viên trực tiếp							
	Chế độ báo cáo						
	Nghiệp vụ						
	Khác						
Tổng số							

Cột 1: thể hiện loại thành viên

Cột 2: thể hiện loại vi phạm

Cột 3: thể hiện số vụ việc TTLKCK phát hiện trong kỳ báo cáo (gồm số vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc phát hiện trong kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)

Cột 4: thể hiện tổng số vi phạm chưa đến mức xử lý

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc TTLKCK đã xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc TTLKCK đã báo cáo, chuyển thẩm quyền UBCKNN xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc TTLKCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4. Hoạt động đăng ký chứng khoán

4.1 Xử lý Hồ sơ đăng ký, hủy đăng ký chứng khoán

Loại nghiệp vụ	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Đăng ký lần đầu						
Đăng ký bổ sung						
Hủy đăng ký toàn bộ						
Hủy đăng ký một phần						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung hồ sơ

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về đăng ký, hủy đăng ký TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 2

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về đăng ký, hủy đăng ký TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.1 Xử lý hồ sơ điều chỉnh thông tin

Đối tượng yêu cầu điều chỉnh thông tin đăng ký	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Điều chỉnh thông tin	Điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu	Điều chỉnh loại chứng khoán	Điều chỉnh thông tin	Điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu	Điều chỉnh loại chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nhà đầu tư								
Tổ chức phát hành								
Tổng số								

Cột 1: thể hiện tên đối tượng yêu cầu TTLKCK điều chỉnh thông tin đăng ký

Cột 2, 3 và 4: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin, điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu, điều chỉnh loại chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 5, 6 và 7: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin, điều chỉnh sai sót số lượng sở hữu, điều chỉnh loại chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.2 Xử lý hồ sơ chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK

Loại chuyển quyền	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Chứng khoán đã đăng ký, lưu ký chưa niêm yết/đăng ký giao dịch						
Biếu, tặng, cho						
Thừa kế						
Giao dịch lô lẻ						
TCPH thu hồi/ mua lại của CBCNV						
Công đoàn mua lại của CBCNV						
TCPH thưởng/phân phối/bán lại cho CBCVN						
Từ Công đoàn sang CBCNV						
Chuyển quyền sở hữu của cổ đông sáng lập trong thời gian hạn chế chuyển nhượng						
TCPH thay đổi cổ đông chiến lược trong thời gian hạn chế chuyển nhượng						
Chuyển nhượng giữa NĐT ủy thác và công ty quản lý quỹ và ngược lại						
Chuyển nhượng giữa các công ty quản lý quỹ với nhau						
Chuyển QSH theo QĐ của Tòa án						
Chuyển QSH do chia tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp hoặc phân						

định lại cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp						
Chuyển QSH do góp vốn bằng cổ phiếu vào doanh nghiệp						
Chuyển QSH do bán đấu giá phần vốn nhà nước						
Chuyển QSH do thực hiện chào mua công khai						
Các trường hợp khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chuyển quyền

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ về chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 2

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.3 Xử lý hồ sơ thực hiện quyền

Loại chứng khoán	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Thực hiện bằng tiền	Thực hiện bằng chứng khoán	Quyền tham dự đại hội cổ đông	Thực hiện bằng tiền	Thực hiện bằng chứng khoán	Quyền tham dự đại hội cổ đông		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Cổ phiếu								
Trái phiếu								
Tín phiếu								
Chứng chỉ quỹ								
Tổng cộng								

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán thực hiện quyền

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng tiền TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng tiền TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.4 Xử lý hồ sơ cấp mã chứng khoán

Chứng khoán	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Cấp mới	Hủy mã	Cấp mới	Hủy mã	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Cổ phiếu						
Trái phiếu						
Tín phiếu						
Chứng chỉ quỹ						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy mã chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy mã chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

5. Hoạt động lưu ký chứng khoán

Loại nghiệp vụ	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Mở tài khoản lưu ký						
Đóng tài khoản lưu ký						
Ký gửi chứng khoán						
Rút chứng khoán						
Cầm cố chứng khoán						
Giải tỏa chứng khoán						
...						
Tổng số						

Cột 1: thể hiện loại nghiệp vụ lưu ký

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về lưu ký chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với số lượng hồ sơ đã ghi tại cột 2

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về lưu ký chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

6. Hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán

6.1 Xử lý hồ sơ sửa lỗi, hủy giao dịch

Loại thành viên	Số giao dịch lỗi của thành viên		Hủy giao dịch		
	Lỗi của thành viên	Khác	Thiếu chứng khoán thanh toán	Thiếu tiền thanh toán	Khác
1	2	3	4	5	6
1. Thành viên lưu ký					
Công ty chứng khoán					
Ngân hàng lưu ký					
2. Thành viên trực tiếp					
3. Khác					
Tổng cộng					

Cột 1: thể hiện thành viên có giao dịch cần sửa, hủy

Cột 2: thể hiện số lượng giao dịch sửa giao dịch do lỗi của thành viên

Cột 3: thể hiện số lượng giao dịch sửa giao dịch vì lý do khác

Cột 4: thể hiện số lượng giao dịch hủy giao dịch do thiếu chứng khoán thanh toán

Cột 5: thể hiện số lượng giao dịch hủy giao dịch do thiếu tiền thanh toán

Cột 6: thể hiện số lượng giao dịch hủy giao dịch vì lý do khác

6.2 Sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán

Mã thành viên	Tên thành viên	Số tiền đóng góp QHTTT	Tổng số lần phát vay		Tổng số tiền vay		Tổng số tiền đã trả	
			Quỹ hỗ trợ thanh toán	Ngân hàng thanh toán	Quỹ hỗ trợ thanh toán	Ngân hàng thanh toán	Quỹ hỗ trợ thanh toán	Ngân hàng thanh toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Cột 1: thể hiện mã thành viên

Cột 2: thể hiện tên thành viên

Cột 3: thể hiện tổng số tiền đóng góp quỹ tại thời điểm báo cáo của thành viên

Cột 4: thể hiện tổng số lần QHTTT phát vay cho thành viên lưu ký tương ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số lần NHTT phát vay cho thành viên tương ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số tiền phát vay của QHTTT cho thành viên lưu ký ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số tiền phát vay của NHTT cho thành viên ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo

Cột 8: thể hiện tổng số tiền thành viên lưu ký ứng tại cột 1, 2 trả cho QHTTT cho tính đến thời điểm báo cáo

Cột 9: thể hiện tổng số tiền thành viên ứng tại cột 1, 2 trả cho NHTT cho tính đến thời điểm báo cáo

7. Hoạt động cấp mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài

Loại hình nhà đầu tư	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Cấp	Hủy bỏ	Cấp	Hủy bỏ	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Cá nhân						
Tổ chức						
Tổng số						

Cột 1: thể hiện loại chủ thể đăng ký

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã số giao dịch TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy bỏ mã số giao dịch TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã số giao dịch TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy bỏ mã số giao dịch TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

8. Hoạt động công bố thông tin

Thông tin công bố	Tổng số thông tin phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số thông tin đã công bố trong kỳ báo cáo	Số thông tin công bố quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số thông tin đang xử lý trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5
Liên quan đến tổ chức phát hành				
Liên quan đến thành viên				
Cấp mã số giao dịch				
Khác				
Tổng cộng				

Cột 1: thể hiện thông tin công bố

Cột 2: thể hiện tổng số thông tin phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đang xử lý trong kỳ báo cáo

9. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động phải kiểm tra	Số lượng nội dung kiểm tra	Số lượng hồ sơ/vụ việc kiểm tra	Số lượng hồ sơ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm
1	2	3	4
Lưu ký chứng khoán và quản lý thành viên			
Đăng ký chứng khoán			
Bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán			
Nghiên cứu phát triển và hợp tác quốc tế			
Công nghệ thông tin			
Hành chính quản trị			
Chi nhánh			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện hoạt động chuyên môn đã tiến hành kiểm tra trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện tổng số lượng nội dung kiểm tra

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ đã kiểm tra đối với hoạt động chuyên môn thể hiện tại cột 1

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu có)